TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:22/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ L số: 830/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1972; thường trú: Số 42 (số cũ 24/11), đường Xa lộ Hà Nội, khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh B, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn L, sinh năm 1968; thường trú: Số 42 (số cũ 24/11), đường Xa lộ Hà Nội, khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, bà Trần Thị Thu H và ông Lê Văn L tự nguyện tiến đến hôn nhân, sau đó một thời gian mới đi đăng ký kết hôn. Việc kết hôn của bà H và ông L là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn, bà H và ông L cùng sống tại nhà của hai vợ chồng ở phường B, thành phố D, tỉnh B. Vợ cH sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài cho

đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L thường xuyên ghen tuông vô cớ rồi dùng những lời lẽ xúc phạm bà, sự việc cứ lập đi lập lại dẫn đến bà không thể tiếp tục chịu đựng được. Nhận thấy, tình cảm vợ cH không còn nên bà Trần Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn L. Từ khi nộp đơn khởi kiện bà H đã dọn ra ngoài ở riêng.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Trần Thị Thu H và ông Lê Văn L có với nhau 01 con chung là cháu Lê Phi Hùng, sinh ngày 24/8/1997. Hiện con chung đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trần Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn L: Sau khi Tòa án thụ L vụ án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ L vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu ông L có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông L không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông L tham gia hòa giải vào ngày 15/12/2020 và ngày 04/01/2021 nhưng ông L vắng mặt không có L do. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, Tòa án tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông L tham gia phiên tòa vào ngày 03/02/2021 và ngày 26/02/2021 nhưng ông L vẫn vắng mặt không có L do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 03/02/2021 và ngày 26/02/2021 nhưng vắng mặt không có L do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Lê Văn L đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 03/02/2021 và ngày 26/02/2021 nhưng đều vắng mặt không có L do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H và ông Lê Văn L là vợ cH, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thắng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương vào ngày 17/11/2006 theo giấy chứng nhận kết hôn số 66/KH, quyển số 01/2006 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, bà H xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là do ông L thường xuyên ghen tuông vô cớ rồi dùng những lời lẽ xúc phạm bà, sự việc cứ lập đi lập lại dẫn đến bà không thể tiếp tục chịu đựng được, hiện nay ông, bà đang ly thân. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập ông L đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng ông L không đến. Điều này chứng tỏ bản thân ông L cũng không muốn vợ cH có cơ hội để đoàn tụ với nhau, còn bà H xác định không còn tình cảm với ông L, hiện ông bà đang ly thân. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Trần Thị Thu H và ông Lê Văn L có 01 con chung là cháu Lê Phi H, sinh ngày 24/8/1997. Hiện cháu Hùng đã trưởng thành, bà H không yêu cầu giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trần Thị Thu H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Lê Văn L (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 66/KH, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh B cấp ngày 17/11/2006).

2. Về con chung: Bà Trần Thị Thu H và ông Lê Văn L có 01 con chung là cháu Lê Phi H, sinh ngày 24/8/1997. Cháu Lê Phi H đã trưởng thành, bà Trần Thị Thu H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trần Thị Thu H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0048700 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường B, thành phố D, tỉnh B;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Dĩ An, ngày 29 tháng 6 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hiếu Trọn.

2. Bà Nguyễn H Gấm.

Căn cứ vào Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi giờ phút ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh Trang, sinh năm 1990; thường trú: 18/6A, khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

- Bị đơn: Anh Lê Thái Hòa, sinh năm 1987; thường trú: 23/24, khu phố Thắng Lợi 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Tống Lê Chân, Tổng cục VIII – Bộ Công An.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ; sau khi thảo luận, thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất các vấn đề sau:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh Trang được ly hôn với anh Lê Thái Hòa.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về con chung: Buộc anh Lê Thái Hòa giao con chung là cháu Lê Minh Nhựt, sinh ngày 19/10/2009 cho chị Nguyễn Thị Minh Trang trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Minh Trang không yêu cầu anh Lê Thái Hòa cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Minh Trang và anh Lê Thái Hòa đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Lê Thái Hòa lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Nguyễn Thị Minh Trang nuôi con thì chị Nguyễn Thị Minh Trang có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lê Thái Hòa theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh Trang phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019365, ngày 08/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt các đương sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**